TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **38**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-5-2024
Về việc: "*Tuyên bố không công nhận mối quan hệ vợ chồng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thạch.

2. Ông Cao Tấn Kiệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim Anh, Thư ký Tòa án nhân dân Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Bà Trần Kim Hồng, Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở, Tòa án nhân dân Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 95/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 về việc "*Tuyên bố không công nhận mối quan hệ vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXX-ST ngày 07 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông B.V.N, sinh năm 1977. Địa chỉ: số 387, ấp 2, xã P.K, huyện N.T, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt, có Đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Bà T.K.T, sinh năm 1975. Địa chỉ: số 282, khu phố L.T, phường L.T.T, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt, có Đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông B.V.N trong quá trình giải quyết như sau:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông bà sống chung khoảng năm 1998 – 1999 đến năm 2000 thì có 01 con chung, sống chung không có đăng ký kết hôn, sống hạnh phúc 02 năm thì ly thân cho đến nay.

Về con chung: có 01 con chung là: Bùi Tuấn Khanh, sinh ngày 15-5-2000 hiện con chung đã thành niên nên không yêu cầu toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay ông B.V.N yêu cầu Tòa án nhân dân Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh giải quyết không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa ông B.V.N với bà T.K.T.

* **Đối với bị đơn bà T.K.T trình bày**:

Bà nghe rõ và thống nhất như phần trình bày của ông N về thời gian tìm hiểu, không đăng ký kết hôn, con chung là đúng.

Về hôn nhân: Ông bà sống chung khoảng năm 1998 – 1999 đến năm 2000 thì có 01 con chung, sống chung không có đăng ký kết hôn, sống hạnh phúc 02 năm thì ly thân cho đến nay.

Về con chung: Cháu B.T.K, sinh ngày 15-5-2000 hiện con chung đã thành niên nên không yêu cầu toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay bà Tcũng đồng ý đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông B.V.N với bà T.K.T là vợ chồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử, các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, 14, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết những vấn đề sau:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông B.V.N với bà T.K.T.

+ *Về con chung:* Cháu Bù B.T.K, sinh ngày 15-5-2000 hiện đã thành niên, ông N, bà Tkhông yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ *Về tài sản chung, nợ chung:* Ông B.V.N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét.

+ *Về án phí:* Ông B.V.N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thẩm quyền***: Ông B.V.N yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông B.V.N với bà T.K.T. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc "*Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] ***Về hôn nhân***: Ông B.V.N và bà T.K.T chung sống với nhau từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn và sau khi có con chung, ông bà ly thân từ năm 2003 đến nay. Việc ông N, bà Tsống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là trái quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay ông N yêu cầu ly hôn với bà Tnên Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông B.V.N và bà T.K.T là phù hợp với quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh là phù hợp nhận định Hội đồng xét xử, cần chấp nhận.

[3] ***Về con chung:*** Quá trình giải quyết vụ án, ông bà trình bày có 01 con chung Bù B.T.K, sinh ngày 15-5-2000 hiện đã thành niên, ông N, bà Tkhông yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] ***Về tài sản chung, nợ chung:*** Ông B.V.N và bà T.K.T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét.

[5] ***Về án phí:*** Ông B.V.N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] ***Về quyền kháng cáo:*** Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, 14, 15, 16, 53, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Tuyên bố không công nhận mối quan hệ giữa ông B.V.N với bà T.K.T là vợ chồng.

2. *Về con chung:* Ông bà có 01 con chung B.T.K, sinh ngày 15-5-2000 hiện đã thành niên, ông N, bà Tkhông yêu cầu giải quyết.

3. *Về tài sản chung*: Ông B.V.N, bà T.K.T trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Ông B.V.N, bà T.K.T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

5. *Về án phí hôn nhân và gia đình:* Ông B.V.N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0010946 ngày 20-3-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ông B.V.N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. *Về kháng cáo*: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu (Hi).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Trọng Hiếu